

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DSST

Ngày 30/6/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Ngọc Quế

2. Bà Mai Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1980 (có mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Vàm Rầy, xã BS, huyện HD, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày như sau:*

Vào ngày 28/4/2018 ông có bán tôm giống và thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 58.340.000 đồng. Ông S hứa khi nào thu hoạch tôm thì sẽ thanh toán hết số tiền trên. Tuy nhiên vợ chồng ông S chỉ

trả cho tôi được 10.000.000 đồng. Ngày 28/4/2020 ông đến yêu cầu trả nợ thì ông S không trả mà còn thách thức, đe dọa.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông S, bà T trả cho ông số tiền nợ còn lại là 48.340.000 đồng và tính lãi 1%/tháng từ 28/4/2018 đến ngày 28/4/2021 là 48.340.000 đồng x 1%/tháng x 36 tháng = 17.402.400 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 65.742.400 đồng.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T*: Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ cho ông S, bà T. Ông S có nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký biên bản. Ông S, bà T không có mặt theo các Thông báo của Tòa, đồng thời không có văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung khởi kiện của ông B nên không có lời khai của ông S, bà T tại Tòa.

* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với ông Nguyễn Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Ông Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả số tiền mua tôm giống và thức ăn cho tôm. Phía bị đơn cư trú tại ấp Vàm Rầy, xã B Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà T.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau:

Vào năm 2018 ông Nguyễn Văn S có thỏa thuận mua tôm giống và thức ăn nuôi tôm của ông Nguyễn Thanh B. Hai bên bắt đầu thực hiện giao dịch từ ngày 28/4/2018 và kéo dài liên tục đến ngày 15/7/2018 thì tổng kết số nợ: ông S còn nợ ông B 58.340.000 đồng, hai bên có ký xác nhận với nhau vào tờ công nợ (BL 01). Sau đó ông S có trả được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại ông B 48.340.000 đồng. Tại Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở (BL 03), ông S có thừa nhận còn nợ ông B số tiền 48.340.000

đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, trong thời gian thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, ông S và bà T không cung cấp các chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của mình, đồng thời cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông B khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền 48.340.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét đây là khoản nợ phát sinh từ việc nuôi tôm để phát triển kinh tế gia đình nên được xác định là nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T. Do đó, HĐXX có căn cứ buộc bà T cùng có trách nhiệm liên đới với ông S để trả số nợ trên cho ông B.

Xét về lãi suất: Các bên xác lập quan hệ là mua bán tài sản, việc thỏa thuận lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán không được thể hiện rõ ràng bằng văn bản, cũng không có thỏa thuận cụ thể thời gian nào ông S phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên không có căn cứ chấp nhận khoản tiền lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh B xin rút lại yêu cầu tính lãi nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của ông B.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền 48.340.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc ông S, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.417.000 đồng (48.340.000 đồng x 5%).

- Ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền 48.340.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

3/. Về án phí DSST:

- Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.417.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.980.000 đồng (Một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001632 ngày 14/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc